

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 481/2026/DS-PT

Ngày: 07-04-2026

Về việc “Tranh chấp hợp đồng ủy quyền, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng

Các Thẩm phán:

Bà Võ Thị Hồng Mai

Ông Nguyễn Phước Thanh

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Ngọc Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Hiền, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 04 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1165/2025/TLPT-DS ngày 24 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng ủy quyền, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng vay tài sản”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 146/2025/DS-ST ngày 20 tháng 10 năm 2025 Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tây Ninh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 231/2025/QĐ-PT ngày 27 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Châu Thành P, sinh năm 1980

Địa chỉ: Số B ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh (có mặt)

- Bị đơn:

1. Bà Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1960

2. Ông Hồ Lê L, sinh năm 1958 (đã chết)

Cùng địa chỉ: Số D kênh T, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Lê L:

2.1. Bà Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1960

2.2. Bà Hồ Thị Ngọc T1, sinh năm 1980

2.3. Ông Hồ Hữu H, sinh năm 1982

2.4. Bà Hồ Thị Thúy H1, sinh năm 1984

Cùng địa chỉ: Số D kênh T, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo uỷ quyền của bà T, bà T1, bà H1: Ông Hồ Hữu H, sinh năm 1982

Địa chỉ: Số D kênh T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

3. Bà Hồ Kim H2, sinh năm 1961

Địa chỉ: Ấp D, xã L, tỉnh Tây Ninh

4. Ông Hồ Minh T2, sinh năm 1976

Địa chỉ: Ấp A, xã L, tỉnh Tây Ninh

Người đại diện theo uỷ quyền của bà H2, ông T2: Ông Hồ Hữu H, sinh năm 1982

Địa chỉ: Số D kênh T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh

(Theo văn bản uỷ quyền ngày 22/9/2025) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Thanh N, sinh năm:1974 - Luật sư Công ty L2 - Đoàn luật sư Thành phố H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Huỳnh Quốc T3, sinh năm 1981

Địa chỉ: Số E khu phố V, phường T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt)

2. Bà Võ Thị Kim C, sinh năm 1984

3. Ông Trương Văn V, sinh năm 1982

4. Ông Trương Minh T4, sinh năm 2001

Cùng địa chỉ: Số E, ấp D, phường L, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt)

5. Bà Huỳnh Thị Mộng T5, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số B ấp B, xã T, tỉnh Long An (vắng mặt)

6. Văn Phòng C1

Địa chỉ trụ sở: Số A đường L, phường L, tỉnh Tây Ninh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T6 – Trưởng Văn phòng, (vắng mặt).

7. Văn phòng C2

Địa chỉ trụ sở: Số A - 155 Nguyễn Văn S, ấp T, Xã B, Tỉnh Tây Ninh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Tấn T7 – Trưởng Văn phòng (vắng mặt).

8. Văn phòng C3

Địa chỉ trụ sở: Số B khu phố C, Xã T, Tây Ninh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân Q – Trưởng Văn phòng (vắng mặt).

- *Người làm chứng*: Ông Trần Minh L1, sinh năm 1964

Địa chỉ: số C, Quốc lộ A, phường L, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

- *Người kháng cáo*: Bị đơn bà Trần Thị Ngọc T

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Châu Thành P trình bày: Thông qua sự giới thiệu của người môi giới mua bán đất, ngày 26/7/2019, ông có thỏa thuận nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Trần Thị Ngọc T và ông Hồ Lê L đối với thửa đất số 1347, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã H, thành phố T, tỉnh Long An, với giá chuyển nhượng là 300.000.000 đồng. Việc ký kết hợp đồng được thực hiện trực tiếp giữa ông với bà T, ông L tại Văn phòng công chứng, việc giao nhận tiền cũng được thực hiện tại đây.

Ông cho rằng, tại thời điểm nhận chuyển nhượng, bà T và ông L xác định thửa đất không có tranh chấp, do đó các bên chỉ bàn giao giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất mà không bàn giao thực tế ngoài thực địa. Bà T và ông L có nói trên đất có một căn nhà và cho hai người cháu ở nhờ.

Sau khi nộp hồ sơ sang tên tại bộ phận một cửa, người môi giới mới dẫn ông đến xem thực tế thửa đất. Tại đây, ông gặp bà Võ Thị Kim C và mới biết bà C đang trực tiếp quản lý, sử dụng đất. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị Ngọc T và ông Hồ Lê L tiếp tục thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 26/7/2019, giao quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1347, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã H, thành phố T, tỉnh Long An cho ông. Trường hợp Tòa án xác định hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 26/7/2019 giữa ông với bà T, ông L và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 06/10/2017 giữa ông Huỳnh Quốc T3 với bà T là vô hiệu, thì ông yêu cầu bà T và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông L hoàn trả cho ông số tiền 300.000.000 đồng cùng tiền lãi tính theo mức 1,2%/tháng kể từ ngày 26/7/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn bà Trần Thị Ngọc T và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Lê L, do ông Hồ Hữu H đại diện, trình bày: Bà T thừa nhận vào ngày 26/7/2019, bà và ông Hồ Lê L có chuyển nhượng cho ông Châu Thành P quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1347, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã H, thành phố T, tỉnh Long An. Tuy nhiên, theo bà, giá chuyển nhượng thực tế giữa các bên là 150.000.000 đồng, do giao dịch được thực hiện thông qua người môi giới nên khi ký hợp đồng công chứng, giá chuyển nhượng được ghi trong hợp đồng là 300.000.000 đồng. Trong tổng số tiền 300.000.000 đồng nêu trong hợp đồng, ông P trực tiếp giao cho bà 150.000.000 đồng, còn 150.000.000 đồng do ông P giao cho người môi giới.

Bà T xác định khi chuyển nhượng cho ông P, bà và ông L chỉ giao giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất, không giao đất trên thực địa. Bà và ông L cũng không đề cập với ông P về việc trên đất có người đang sinh sống hay không.

Đối với yêu cầu của ông P về việc tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng ngày 26/7/2019 và giao đất, bà T cùng những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông L đều đồng ý.

Về nguồn gốc thửa đất, bà T trình bày bà và ông L nhận chuyển nhượng từ bà Võ Thị Kim C và ông Trương Văn V vào ngày 06/10/2017, do ông Huỳnh Quốc T3 đại diện đứng bán, với giá 150.000.000 đồng. Khi nhận chuyển nhượng, ông L có xuống xem đất và thấy trên đất có người ở. Tuy nhiên ông T3 nói rằng những người này khó khăn nên được cho ở nhờ, khi nào cần thì yêu cầu di dời. Sau khi nhận chuyển nhượng, bà T và ông L không tiếp tục xuống xem thực tế thửa đất cho đến khi chuyển nhượng lại cho ông P.

Trường hợp Tòa án xác định Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 26/7/2019 giữa ông P với bà T, ông L và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 06/10/2017 giữa ông T3 với bà T là vô hiệu, thì bà T và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông L đồng ý hoàn trả cho ông P số tiền 300.000.000 đồng cùng tiền lãi tính theo mức 01%/tháng kể từ ngày 26/7/2019 đến nay.

Đồng thời, bà T có yêu cầu độc lập, đề nghị Tòa án buộc bà Võ Thị Kim C, ông Trương Văn V và ông Huỳnh Quốc T3 phải hoàn trả cho bà số tiền 150.000.000 đồng, tiền lãi tính theo mức 01%/tháng kể từ ngày 06/10/2017 đến nay, khoản tiền chênh lệch giá trị là 150.000.000 đồng và tiền lãi đối với khoản tiền chênh lệch này, cũng tính theo mức 01%/tháng kể từ ngày 06/10/2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Hồ Hữu H trình bày với tư cách đại diện cho bà T và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông L rằng bà T và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông L đồng ý trả cho ông Châu Thành P số tiền 300.000.000 đồng và tiền lãi tính theo mức 1,2%/tháng kể từ ngày 26/7/2019 đến ngày xét xử. Đồng thời, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông L thống nhất giao toàn bộ quyền yêu cầu trong vụ án cho bà T thực hiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Kim C và ông Trương Văn V trình bày: Ngày 15/5/2017, bà C và ông V có vay của ông Huỳnh Quốc T3 số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 1.500.000 đồng/tháng, không thỏa thuận thời hạn vay. Tuy nhiên, ông T3 giữ lại giấy tờ và trừ trước số tiền 5.000.000 đồng, nên thực tế bà C và ông V chỉ nhận được 25.000.000 đồng.

Theo bà C và ông V, khi vay tiền các bên không lập hợp đồng vay tài sản mà ông T3 yêu cầu dùng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1347, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã H, thành phố T, tỉnh Long An để bảo đảm khoản vay bằng hình thức ký hợp đồng ủy quyền. Việc ký kết hợp đồng ủy quyền chỉ nhằm mục đích “làm tin”, nên ông bà không đọc và không biết rõ nội dung hợp đồng.

Sau khi ký hợp đồng ủy quyền, hàng tháng ông bà vẫn đóng lãi đầy đủ cho ông T3. Đến khi bà T xuống gặp yêu cầu giao đất thì ông bà mới biết đất đã bị

chuyển nhượng. Từ thời điểm đó ông bà ngưng đóng lãi cho ông T3. Sau đó, một thời gian, ông P cũng đến yêu cầu giao đất nhưng ông bà không đồng ý. Nay bà C và ông V yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 26/7/2019 giữa ông Châu Thành P với bà Trần Thị Ngọc T, ông Hồ Lê L vô hiệu; Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 06/10/2017 giữa ông Huỳnh Quốc T3 với bà Trần Thị Ngọc T vô hiệu; Tuyên bố hợp đồng ủy quyền ngày 15/5/2017 giữa bà Võ Thị Kim C, ông Trương Văn V với ông Huỳnh Quốc T3 vô hiệu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Quốc T3 trình bày: Thông qua dịch vụ môi giới mua bán nhà đất, ông có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1347, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã H, thành phố T, tỉnh Long An của bà Võ Thị Kim C và ông Trương Văn V với giá 150.000.000 đồng. Phía môi giới có bàn giao quyền sử dụng đất đối với phần đất không có nhà.

Tuy nhiên, giữa ông với bà C và ông V không ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà ký hợp đồng ủy quyền vào năm 2017. Đến tháng 10/2017, ông có thể chấp quyền sử dụng đất này cho bà T và ông L để vay số tiền 150.000.000 đồng. Tại thời điểm đó, ông mới biết trên đất có căn nhà.

Ông T3 đồng ý tuyên bố vô hiệu Hợp đồng ủy quyền ngày 15/5/2017 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 06/10/2017 vì cho rằng đây là các giao dịch giả cách. Tuy nhiên, ông cho rằng việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông với bà C, ông V là có thật, do đó ông không đồng ý bồi thường các khoản thiệt hại, tiền lãi phát sinh do hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Ông cũng không có yêu cầu độc lập về việc giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Mộng T5 trình bày:

Bà thống nhất với toàn bộ lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn ông Châu Thành P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng C1 trình bày: Ngày 26/7/2019, Văn phòng C1 có tiếp nhận Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Hồ Lê L cùng hồ sơ kèm theo. Sau khi kiểm tra, đối chiếu tính xác thực của hồ sơ, xác định những người tham gia giao dịch có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện, nội dung giao dịch không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật về công chứng, Văn phòng Công chứng xác định việc công chứng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên là đúng quy định pháp luật. Vì vậy, Văn phòng C1 cho rằng hợp đồng đã được công chứng hợp pháp và các bên có trách nhiệm thực hiện đúng nội dung đã cam kết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng C2 trình bày: Văn phòng C2 xác định đã tiếp nhận và thực hiện công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 06/10/2017 giữa ông Trương Văn V, bà Võ Thị Kim C với bà Trần Thị Ngọc T theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định. Nay bà Võ Thị

Kim C và ông Trương Văn V yêu cầu tuyên bố hợp đồng này vô hiệu thì Văn phòng C2 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng C3 trình bày: Văn phòng C3 xác định đã tiếp nhận và thực hiện công chứng Hợp đồng ủy quyền ngày 15/5/2017 giữa ông Trương Văn V, bà Võ Thị Kim C với ông Huỳnh Quốc T3 theo đúng trình tự, thủ tục công chứng. Nay bà Võ Thị Kim C và ông Trương Văn V yêu cầu tuyên bố hợp đồng nêu trên vô hiệu thì Văn phòng C3 đề nghị Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng ông Trần Minh L1 trình bày: Ông không biết gì về việc vay mượn giữa bà Võ Thị Kim C với ông Huỳnh Quốc T3. Việc bà C gặp ông T3 và tự thỏa thuận vay tiền là do bà Cương trực T8 thực hiện, không thông qua ông. Ông cũng khẳng định bản thân không nhận bất kỳ khoản tiền hoa hồng nào và không trực tiếp chứng kiến sự việc.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 146/2025/DS-ST ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tây Ninh:

Căn cứ vào các quy định tại các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 217, 228, 244, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự ; các Điều 117, 124, 131, 408, 500, 502 và 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 167 Luật Đất đai năm 2013; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Châu Thành P về việc yêu cầu bà Trần Thị Ngọc T và ông Hồ Lê L tiếp tục thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 26/7/2019, bàn giao quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1347, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã H, thành phố T, tỉnh Long An (nay là phường L, tỉnh Tây Ninh).

Xác định Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 26/7/2019 giữa ông Châu Thành P với bà Trần Thị Ngọc T, ông Hồ Lê L vô hiệu.

Xác định Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 06/10/2017 giữa ông Huỳnh Quốc T3 đại diện ông Trương Văn V, bà Võ Thị Kim C với bà Trần Thị Ngọc T vô hiệu.

Buộc bà Trần Thị Ngọc T và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Lê L liên đới trả cho ông Châu Thành P số tiền 569.280.000 đồng.

Buộc ông Huỳnh Quốc T3, bà Võ Thị Kim C, ông Trương Văn V liên đới trả cho bà Trần Thị Ngọc T số tiền 206.884.000 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu độc lập còn lại của bà Trần Thị Ngọc T.

Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Võ Thị Kim C và ông Trương Văn V về việc yêu cầu tuyên bố Hợp đồng ủy quyền ngày 15/5/2017 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 06/10/2017 vô hiệu.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 30 tháng 10 năm 2025 bị đơn bà Trần Thị Ngọc T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết theo hướng hủy án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xác định hợp đồng mua bán và bán đất của bà T, ông L có hiệu lực pháp luật và ngay tình.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, không cung cấp chứng cứ mới.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Châu Thành P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Ngọc T và đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Bị đơn bà Trần Thị Ngọc T và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn ông Hồ Hữu H trình bày giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án. Bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm buộc bà và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Lê L hoàn trả cho ông P số tiền 300.000.000 đồng và tính lãi theo mức 1,2%/tháng là vượt quá yêu cầu khởi kiện, vì tại cấp sơ thẩm ông P chỉ yêu cầu tính lãi 1%/tháng. Bà cũng cho rằng đối với giao dịch chuyển nhượng giữa ông Huỳnh Quốc T3 với bà và ông L, cấp sơ thẩm tuy xác định hợp đồng vô hiệu nhưng chưa xem xét đầy đủ hậu quả pháp lý về lãi, việc cấp sơ thẩm chưa tiến hành đối chất giữa các đương sự khi lời khai còn mâu thuẫn và không triệu tập người môi giới tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Bản án dân sự sơ thẩm số 146/2025/DS-ST ngày 20/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh chưa đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ của vụ án. Cấp sơ thẩm xác định hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà T, ông L với ông P vô hiệu và buộc bị đơn hoàn trả 300.000.000 đồng cùng tiền lãi 1,2%/tháng là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời chưa phù hợp với thực tế bà T chỉ nhận 150.000.000 đồng, số tiền còn lại do ông P giao cho người môi giới. Bà T, ông L nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thông qua hợp đồng được công chứng, đã hoàn tất thủ tục sang tên nên cần được xem xét là người nhận chuyển nhượng ngay tình. Mặt khác, lời khai của ông Huỳnh Quốc T3 mâu thuẫn với lời khai của bà Võ Thị Kim C, ông Trương Văn V về bản chất giao dịch liên quan đến thửa đất số 1347, tờ bản đồ số 3, đây là tình tiết quan trọng để xác định giá trị pháp lý của hợp đồng ủy quyền ngày 15/5/2017 nhưng cấp sơ thẩm chưa tiến hành đối chất, chưa làm rõ đầy đủ mâu thuẫn trong lời khai, chưa triệu tập người môi giới tham gia tố tụng làm cho việc giải quyết vụ án không được khách quan, toàn diện, ảnh hưởng đến quyền lợi của bà T, ông L. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn, hủy bản án sơ thẩm. Trường hợp không có căn cứ hủy án thì sửa án theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của

bà T được nộp trong thời hạn luật định, hợp lệ, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, có cơ sở xác định cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, nội dung quan hệ tranh chấp, xác định đúng các tình tiết khách quan của vụ án, áp dụng đúng quy định của pháp luật khi không chấp nhận yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tuyên các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu, đồng thời giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu và trách nhiệm hoàn trả, bồi thường thiệt hại của các bên có liên quan là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật. Bà T kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Ngọc T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tính hợp lệ của kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Ngọc T được thực hiện đúng theo quy định tại các 271, 272, Điều 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Quốc T3, bà Võ Thị Kim C, ông Trương Văn V, ông Nguyễn Minh T9, bà Huỳnh Thị Mộng T10, Văn phòng C1, Văn phòng C2, Văn phòng C3 nhưng những người này đã được triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự này.

[1.3] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Căn cứ nội dung đơn kháng cáo của bà Trần Thị Ngọc T, cấp phúc thẩm xem xét lại phần bản án sơ thẩm bị kháng cáo theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của bà Trần Thị Ngọc T, thấy rằng:

[2.1] Bị đơn và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm chưa tiến hành đối chất giữa các đương sự trong vụ án, chưa triệu tập người môi giới tham gia tố tụng nên vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên đề nghị hủy án sơ thẩm. Xét thấy, theo khoản 1 Điều 100 Bộ luật Tố tụng dân sự, đối chất chỉ được tiến hành khi xét thấy có mâu thuẫn trong lời khai cần làm rõ, nên không phải là thủ tục bắt buộc trong tất cả các vụ án dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T và ông P đều khai việc giao kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng ngày 26/7/2019 có thông qua người môi giới nhưng không cung cấp được họ tên, địa chỉ hoặc thông tin nhân thân cụ thể của người này nên Tòa án cấp sơ thẩm không có căn cứ để triệu tập tham gia tố tụng.

Mặt khác, nguồn gốc đất, quá trình xác lập các giao dịch ngày 15/5/2017, 06/10/2017, 26/7/2019, hiện trạng đất có nhà do bà C, ông V quản lý, sử dụng, cũng như việc các bên chỉ giao nhận giấy tờ mà không nhận bàn giao thực tế đều đã được làm rõ qua lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Do đó, việc cấp sơ thẩm không đổi chất, không triệu tập người môi giới không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo huỷ bản án sơ thẩm của bà T.

[2.2] Xét kháng cáo của bị đơn cho rằng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 06/10/2017 giữa ông Huỳnh Quốc T3 đại diện ông Trương Văn V, bà Võ Thị Kim C với bà Trần Thị Ngọc T, ông Hồ Lê L là hợp pháp, thấy rằng: Nguồn gốc quyền định đoạt thửa đất số 1347 của ông T3 xuất phát từ hợp đồng ủy quyền ngày 15/5/2017. Tuy nhiên, lời khai của ông T3 mâu thuẫn với lời khai của bà C, ông V về bản chất giao dịch. Ông T3 cho rằng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà C, ông V, trong khi bà C, ông V cho rằng chỉ vay tiền và lập hợp đồng ủy quyền để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ. Mặt khác, sau khi lập hợp đồng ủy quyền, bà C và ông V vẫn trực tiếp quản lý, sử dụng nhà, đất, không có việc giao đất thực tế cho ông T3. Do đó, có đủ căn cứ xác định hợp đồng ủy quyền ngày 15/5/2017 là giao dịch giả tạo để che dấu giao dịch khác theo Điều 124 Bộ luật Dân sự năm 2015. Từ đó, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 06/10/2017 do ông T3 xác lập với bà T, ông L trong khi ông T3 không có quyền định đoạt đối với tài sản này. Đồng thời, tại thời điểm giao kết, trên đất có nhà ở của bà C, ông V nhưng các bên không thỏa thuận chuyển nhượng đối với tài sản gắn liền với đất, không nhận bàn giao đất trên thực tế, nên cấp sơ thẩm xác định hợp đồng này vô hiệu do có đối tượng không thực hiện được là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật.

[2.3] Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 26/7/2019 giữa bà Trần Thị Ngọc T, ông Hồ Lê L với ông Châu Thành P, bị đơn cho rằng giao dịch này hợp pháp và bị đơn là bên nhận chuyển nhượng ngay tình. Xét thấy, mặc dù hợp đồng chuyển nhượng này được công chứng nhưng theo Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015, giao dịch dân sự chỉ có hiệu lực khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện luật định. Đồng thời, theo Điều 408 Bộ luật Dân sự năm 2015, trường hợp ngay từ khi giao kết, hợp đồng có đối tượng không thể thực hiện được thì hợp đồng vô hiệu. Hồ sơ vụ án thể hiện khi bà T, ông L chuyển nhượng cho ông P, bà T và ông L chỉ giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không giao đất. Trên đất vẫn có nhà do bà C, ông V và gia đình quản lý, sử dụng, sinh sống ổn định. Chính bị đơn cũng thừa nhận khi nhận chuyển nhượng trước đó của ông T3 bị đơn đã biết trên đất có người ở nhưng không xác minh, làm rõ quyền của người đang quản lý, sử dụng đất, không làm rõ tài sản gắn liền với đất, và không nhận bàn giao đất.

Vì vậy, cấp sơ thẩm xác định hợp đồng chuyển nhượng ngày 26/7/2019 vô hiệu do đối tượng không thể thực hiện được theo Điều 408 Bộ luật Dân sự năm 2015 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Đồng thời không có căn cứ xem bà T, ông L là người nhận chuyển nhượng ngay tình như nội dung kháng cáo nêu.

[2.4] Từ việc các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 06/10/2017 và 26/7/2019 vô hiệu, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 131 Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận là có căn cứ. Đối với số tiền 300.000.000 đồng mà ông P yêu cầu hoàn trả, mặc dù bị đơn cho rằng thực tế chỉ nhận 150.000.000 đồng, còn 150.000.000 đồng giao cho người môi giới, nhưng bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày này trong khi hợp đồng chuyển nhượng được công chứng thể hiện giá chuyển nhượng là 300.000.000 đồng và tại cấp sơ thẩm đại diện của bị đơn cũng thống nhất hoàn trả cho ông P số tiền nêu trên.

Đối với khoản lãi, Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử, nguyên đơn có trình bày yêu cầu lãi 1%/tháng, tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu tính lãi 1,2%/tháng và phía bị đơn đồng ý, nên cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự là không vượt quá phạm vi giải quyết vụ án. Vì vậy, kháng cáo của bị đơn yêu cầu sửa án, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[2.5] Đối với yêu cầu độc lập của bà Trần Thị Ngọc T đối với ông Huỳnh Quốc T3, bà Võ Thị Kim C và ông Trương Văn V, cấp sơ thẩm xác định lỗi dẫn đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 06/10/2017 vô hiệu là lỗi hỗn hợp của các bên nên buộc mỗi bên chịu $\frac{1}{2}$ thiệt hại là phù hợp quy định Điều 131 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Theo kết quả định giá, giá trị quyền sử dụng đất là 263.768.000 đồng, giá chuyển nhượng là 150.000.000 đồng, phần chênh lệch thiệt hại là 113.768.000 đồng, mỗi bên phải chịu 56.884.000 đồng. Do đó, việc buộc ông T3, bà C và ông V liên đới trả cho bà T 150.000.000 đồng tiền nhận chuyển nhượng và 56.884.000 đồng tiền thiệt hại. Tổng cộng 206.884.000 đồng là có căn cứ.

[2.6] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ, khách quan, bị đơn là người nhận chuyển nhượng ngay tình và đề nghị hủy hoặc sửa bản án sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận, bởi các vấn đề này đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét trên cơ sở lời khai của các đương sự, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được đánh giá đúng bản chất sự việc, phù hợp quy định pháp luật.

[2.7] Sai sót của cấp sơ thẩm: Bản án sơ thẩm đã xác định hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 06/10/2017 vô hiệu nhưng trong phần quyết định chưa tuyên đầy đủ hậu quả pháp lý của giao dịch vô hiệu đối với quyền sử dụng đất tranh chấp. Theo Điều 131 Bộ luật Dân sự năm 2015, khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Do đó, cần sửa án sơ thẩm bổ sung tuyên khôi phục tình trạng pháp lý ban đầu của quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1347, tờ bản đồ số 3, đề bà Võ Thị Kim C và ông Trương Văn V liên hệ cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc kê khai, đăng ký, điều chỉnh hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

[3] Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Ngọc T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu

vực 1 - Tây Ninh về nội dung, sửa tuyên bố sung phần hậu quả pháp lý của giao dịch vô hiệu đối với quyền sử dụng đất tranh chấp. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Trần Thị Ngọc T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên bà T là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên bà T được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Ngọc T.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 146/2025/DS-ST ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Tây Ninh, tuyên bố sung về hậu quả pháp lý về quyền sử dụng đất.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 148, 157, 217, 228, 244, 271, 273, 293, 296 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 117, 124, 131, 408, 500, 502, 615 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 167 Luật đất đai 2013; Điều 12, Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Châu Thành P về việc yêu cầu bà Trần Thị Ngọc T và ông Hồ Lê L tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 26/7/2019, số công chứng 5252, quyển số 03-TP/CC-SCC/HĐGD, đối với quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 1347, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã H, thành phố T, tỉnh Long An (nay là phường L, tỉnh Tây Ninh).

1.1. Xác định hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 26/7/2019 giữa ông Châu Thành P với bà Trần Thị Ngọc T, ông Hồ Lê L, số công chứng 5252, quyển số 03-TP/CC-SCC/HĐGD, đối với quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 1347, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã H, thành phố T, tỉnh Long An (nay là phường L, tỉnh Tây Ninh) là vô hiệu.

1.2. Xác định Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 06/10/2017 giữa ông Huỳnh Quốc T3 đại diện ông Trương Văn V, bà Võ Thị Kim C với bà Trần Thị Ngọc T, được Văn phòng C2, quyển số 01-2017 TP/CC-SCC/HĐGD, đối với quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 1347, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã H, thành phố T, tỉnh Long An (nay là phường L, tỉnh Tây Ninh) là vô hiệu.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Châu Thành P.

Buộc bà Trần Thị Ngọc T và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Lê L gồm bà Trần Thị Ngọc T, bà Hồ Thị Ngọc T1, ông Hồ Hữu H, bà Hồ Thị Thúy H1, bà Hồ Thị Kim H2, ông Hồ Minh T2 liên đới trả cho ông Châu Thành P số tiền 569.280.000 đồng (Năm trăm sáu mươi chín triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng).

3. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bị đơn bà Trần Thị Ngọc T.

Buộc ông Huỳnh Quốc T3, bà Võ Thị Kim C, ông Trương Văn V liên đới trả cho bà Trần Thị Ngọc T số tiền 206.884.000 đồng (Hai trăm lẻ sáu triệu, tám trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

4. Không chấp nhận một phần yêu cầu độc lập còn lại của bà Trần Thị Ngọc T đối với ông Huỳnh Quốc T3, bà Võ Thị Kim C, ông Trương Văn V về số tiền 382.516.000 đồng.

5. Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của bà Võ Thị Kim C và ông Trương Văn V về việc yêu cầu tuyên bố Hợp đồng ủy quyền ngày 15/5/2017 giữa ông Trương Văn V, bà Võ Thị Kim C với ông Huỳnh Quốc T3 vô hiệu.

6. Khôi phục tình trạng pháp lý ban đầu của quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1347, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã H, thành phố T, tỉnh Long An (nay là phường L, tỉnh Tây Ninh) cho bà Võ Thị Kim C và ông Trương Văn V.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất căn cứ vào quyết định của Tòa án để điều chỉnh biên động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

Buộc bà Trần Thị Ngọc T và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Lê L gồm bà Trần Thị Ngọc T, bà Hồ Thị Ngọc T1, ông Hồ Hữu H, bà Hồ Thị Thúy H1, bà Hồ Thị Kim H2, ông Hồ Minh T2 có trách nhiệm giao trả bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số C0315621 do Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh L cấp cho bà Trần Thị Ngọc T vào ngày 27/7/2018 cho bà Võ Thị Kim C và ông Trương Văn V để Văn phòng đăng ký đất đai, Cơ quan Tài nguyên và Môi trường điều chỉnh biên động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trương Văn V và bà Võ Thị Kim C theo quyết định của bản án.

Trường hợp bên có nghĩa vụ thi hành án không giao nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bên được thi hành án được yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp.

7. Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Lê L gồm bà Trần Thị Ngọc T, bà Hồ Thị Ngọc T1, ông Hồ Hữu H, bà Hồ Thị Thúy H1, bà Hồ Thị Kim H2, ông Hồ Minh T2 chỉ có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi giá trị di sản do ông Hồ Lê L để lại.

8. Về chi phí tố tụng: Ông Châu Thành P phải chịu 17.500.000 (Mười bảy triệu, năm trăm nghìn đồng) (đã nộp xong).

9. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Châu Thành P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn đồng) do một phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nhưng được khấu trừ 7.500.000 (bảy triệu, năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004205 ngày 15/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An (nay là Phòng Thi hành án khu vực 1 - Tây Ninh). Hoàn trả cho ông Châu Thành P 7.200.000 (Bảy triệu, hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí còn thừa.

Bà Trần Thị Ngọc T, bà Hồ Thị Ngọc T1, ông Hồ Hữu H, bà Hồ Thị Thúy H1, bà Hồ Thị Kim H2, ông Hồ Minh T2 được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 600.000 (Sáu trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà Võ Thị Kim C, ông Trương Văn V đã nộp theo các biên lai thu số 0000633 và 0000634 ngày 05/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An (nay là Phòng Thi hành án khu vực 1 - Tây Ninh).

Bà Võ Thị Kim C, ông Trương Văn V liên đới chịu 5.172.000 đồng (Năm triệu, một trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Ông Huỳnh Quốc T3 phải chịu 5.172.000 đồng (Năm triệu, một trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

10. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Ngọc T là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

11. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, đối với khoản tiền phải thi hành, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

12. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

13. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao tại TP.HCM;
- VKSND tối cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 1 - Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Phòng HCTP-TAND tỉnh TN;
- Phòng GD, TT, KT&THA.TANDTTN;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu. hồ sơ, lưu trữ, tập án.

Nguyễn Thị Diễm Hằng

